

DAY KỸ NĂNG NÓI TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN ANH BẰNG CÁC HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP Ở TRƯỜNG CAO ĐẲNG HÒA BÌNH XUÂN LỘC

Trịnh Vũ Thanh Tuyền
Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Công Nghệ Đồng Nai

Tóm tắt: Nghiên cứu nhằm khảo sát hiệu quả của việc dạy kỹ năng nói tiếng Anh thông qua các hoạt động trên lớp đối với 152 sinh viên không chuyên tiếng Anh tại Trường Cao đẳng Hòa Bình Xuân Lộc. Các hoạt động được áp dụng bao gồm đóng vai, thảo luận nhóm, thuyết trình, và trò chơi giao tiếp nhằm tạo môi trường học tập năng động, khuyến khích sinh viên sử dụng tiếng Anh một cách tự nhiên. Dữ liệu được thu thập từ bài kiểm tra kỹ năng nói trước và sau can thiệp, bảng khảo sát và quan sát lớp học. Kết quả cho thấy đa số sinh viên cải thiện đáng kể về độ trôi chảy, phát âm và sự tự tin trong giao tiếp. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng ghi nhận một số khó khăn như vốn từ vựng hạn chế, sự thiếu tự tin ban đầu và thời gian thực hành chưa đủ. Từ đó, nghiên cứu đề xuất tăng cường hoạt động tương tác và hỗ trợ từ giảng viên để đạt hiệu quả giảng dạy kỹ năng nói.

Từ khóa: giảng dạy tiếng Anh, hoạt động giao tiếp trên lớp, kỹ năng nói tiếng Anh, sinh viên không chuyên tiếng Anh, tương tác trong lớp học

TEACHING ENGLISH SPEAKING SKILLS THROUGH CLASSROOM ACTIVITIES FOR NON-ENGLISH-MAJORED STUDENTS AT HOA BINH XUAN LOC COLLEGE

Trinh Vu Thanh Tuyen
Faculty of Foreign Languages, Dong Nai Technology University

Abstract: This study aims to examine the effectiveness of teaching English speaking skills through classroom activities among 152 non-English-majored students at Hoa Binh Xuan Loc College. The applied activities included role-plays, group discussions, presentations, and communicative games, which were designed to create a dynamic learning environment and encourage students to use English naturally. Data were collected through pre- and post-intervention speaking tests, surveys, and classroom observations. The results showed that most students made significant improvements in fluency, pronunciation, and speaking confidence. However, the study also identified some challenges, such as limited vocabulary, initial lack of confidence, and insufficient practice time. Based on these findings, the study recommends enhancing interactive activities and providing more support from instructors to improve the effectiveness of speaking skills instruction.

Key words: classroom communicative activities, classroom interaction, English language teaching, English speaking skills, non-English majored students.

Nhận bài: 15/05/2025

Phản biện: 15/06/2025

Duyệt đăng: 19/06/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, kỹ năng nói ngày càng được xem là yếu tố thiết yếu trong việc học tiếng Anh (Brown, 2007). Đặc biệt với sinh viên không chuyên tại Việt Nam, việc rèn luyện kỹ năng này gặp nhiều khó khăn do thiếu môi trường sử dụng tiếng Anh thực tế và cơ hội giao tiếp hạn chế (Nguyen & Nguyen, 2020). Các phương pháp giảng dạy truyền thống thường chú trọng ngữ pháp và đọc hiểu, chưa thực sự tạo điều kiện phát triển khả năng nói trôi chảy và tự tin (Richards, 2008).

Vì vậy, phương pháp giảng dạy ngôn ngữ giao tiếp (CLT) với các hoạt động như “đóng vai, thảo luận nhóm và trò chơi tương tác” đã được khuyến khích nhằm tạo môi trường học tập tích cực, nâng cao độ chính xác, sự trôi chảy và động lực học tập (Harmer, 2015; Littlewood, 2011). Tuy nhiên, việc triển khai tại bậc đại học còn gặp trở ngại như từ vựng hạn chế và sự thiếu tự tin (Tran & Duong, 2021).

Nghiên cứu này khảo sát hiệu quả của các hoạt động giao tiếp đối với kỹ năng nói của 152 sinh viên không chuyên tại Trường Cao đẳng Hòa Bình Xuân Lộc, từ đó đề xuất giải pháp sư phạm phù hợp.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Định nghĩa về kỹ năng nói

Kỹ năng nói là yếu tố then chốt trong việc học ngôn ngữ, đóng vai trò là phương tiện giao tiếp chủ yếu trong cả môi trường học thuật và xã hội. Theo Bygate (1987), nói là quá trình tạo ra ý nghĩa qua lời nói, yêu cầu người học phải kết hợp kiến thức ngôn ngữ với khả năng tương tác trong thời gian thực. Đây là kỹ năng sản sinh, đòi hỏi sự chủ động trong việc tạo thông điệp.

Brown và Abeywickrama (2010) cho rằng “kỹ năng nói bao gồm độ trôi chảy, độ chính xác, phát âm, tính mạch lạc và khả năng tương tác. Đặc biệt, hiệu quả giao tiếp phụ thuộc vào năng lực xã hội-

ngôn ngữ – khả năng lựa chọn ngôn ngữ phù hợp với ngữ cảnh” (Richards, 2008).

Trong phương pháp giao tiếp, kỹ năng nói phát triển thông qua thực hành trong tình huống thực tế, thay vì học thuộc lòng, nhấn mạnh tính tương tác và ý nghĩa trong quá trình học (Harmer, 2015).

2.2. Kỹ năng nói thông qua các hoạt động trên lớp

Các hoạt động trên lớp đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển kỹ năng nói, tạo cơ hội cho sinh viên giao tiếp có ý nghĩa và sử dụng ngôn ngữ một cách chủ động. Khác với phương pháp truyền thống chú trọng ngữ pháp và học thuộc lòng, các hoạt động giao tiếp giúp người học tham gia vào các nhiệm vụ nói mang tính tương tác và phản ánh tình huống thực tế (Richards, 2006).

Các hình thức phổ biến gồm “đóng vai, thảo luận nhóm, thuyết trình và trò chơi ngôn ngữ”. Đóng vai giúp sinh viên nhập vai vào các tình huống khác nhau, phát triển năng lực giao tiếp xã hội-ngôn ngữ (Larsen-Freeman & Anderson, 2011). Thảo luận nhóm thúc đẩy tư duy phản biện và xây dựng lập luận (Nunan, 2003). Trò chơi tạo môi trường học tập thoải mái, giúp giảm lo lắng và tăng sự tham gia (Harmer, 2015). Thuyết trình cải thiện phát âm, tổ chức ý tưởng và sự tự tin.

Nghiên cứu chỉ ra rằng các hoạt động này giúp nâng cao độ trôi chảy, phát âm và năng lực giao tiếp tổng thể, đồng thời thúc đẩy động lực và tinh thần tự học (Tran & Duong, 2021; Nguyen & Pham, 2019).

2.3. Tổng quan nghiên cứu

2.3.1. Các nghiên cứu trước có liên quan đến đề tài

Nhiều nghiên cứu đã khảo sát việc sử dụng các hoạt động trên lớp nhằm cải thiện kỹ năng nói trong bối cảnh EFL, đặc biệt với sinh viên không chuyên tại Việt Nam và một số quốc gia châu Á. Nguyễn và Phạm (2019) cho thấy các hoạt động như đóng vai, thảo luận và trò chơi tương tác giúp tăng độ trôi chảy và sự tự tin, đồng thời nhấn mạnh vai trò của sự hướng dẫn từ giảng viên và luyện tập thường xuyên. Trần và Dương (2021) ghi nhận sinh viên cải thiện phát âm và năng lực tương tác, nhưng vẫn gặp khó khăn do hạn chế từ vựng và thời lượng học tập. Tác giả đề xuất thiết kế hoạt động có cấu trúc rõ ràng để tăng hiệu quả.

Ở bối cảnh quốc tế, Goh và Burns (2012) nhấn mạnh sự kết hợp giữa yếu tố nhận thức và xã hội-văn hóa như hỗ trợ (scaffolding) và tương tác bạn học. Hung (2015) cho thấy mô hình lớp học đảo

ngược giúp sinh viên chuẩn bị tốt hơn và tham gia tích cực hơn trong hoạt động nói.

Những nghiên cứu này cung cấp nền tảng lý thuyết quan trọng cho nghiên cứu hiện tại, đồng thời làm rõ các yếu tố ảnh hưởng đến việc phát triển kỹ năng nói trong lớp học.

2.3.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng thiết kế nghiên cứu bán thực nghiệm kết hợp giữa “phương pháp định lượng và định tính” nhằm khảo sát hiệu quả của các hoạt động trên lớp trong việc nâng cao kỹ năng nói tiếng Anh. Mô hình kiểm tra trước và sau can thiệp các hoạt động trong lớp được sử dụng để đo lường sự tiến bộ trong kỹ năng nói của sinh viên, đồng thời kết hợp với quan sát lớp học và bảng câu hỏi nhằm thu thập thông tin sâu về nhận thức và trải nghiệm của người học.

2.3.3. Đối tượng tham gia

Đối tượng tham gia nghiên cứu gồm 152 sinh viên không chuyên tiếng Anh tại Trường Cao đẳng Hòa Bình Xuân Lộc. Các sinh viên này đang theo học các lớp Anh văn không chuyên và có trình độ tiếng Anh ở mức trung cấp hoặc cận trung cấp, dựa trên phiếu hoàn thành bài kiểm tra đầu vào. Họ được chọn theo “phương pháp chọn mẫu thuận tiện” và tự nguyện tham gia nghiên cứu. Các sinh viên được chia thành các nhóm để tham gia vào nhiều hoạt động nói khác nhau trong thời gian 8 tuần.

2.3.4. Câu hỏi nghiên cứu

Nghiên cứu này được định hướng bởi các câu hỏi nghiên cứu sau:

1. Các hoạt động trên lớp cải thiện kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên ở những khía cạnh nào, gồm có độ trôi chảy, phát âm và sự tự tin?
2. Sinh viên có nhận thức và đánh giá như thế nào về việc sử dụng các hoạt động giao tiếp để phát triển kỹ năng nói?

2.3.5. Công cụ nghiên cứu

Các phương pháp được sử dụng để thu thập dữ liệu trong nghiên cứu bao gồm:

- *Bài kiểm tra nói trước và sau can thiệp*: Được thiết kế nhằm đánh giá sự thay đổi trong khả năng nói của sinh viên, tập trung vào các tiêu chí như độ trôi chảy, phát âm và tính mạch lạc.

- *Bảng câu hỏi*: Được phát cho sinh viên sau quá trình giảng dạy để khảo sát thái độ, mức độ tham gia và những khó khăn cảm nhận được khi thực hiện các hoạt động nói.

- *Phiếu quan sát lớp học*: Dùng để ghi nhận mức độ tham gia, tương tác giữa sinh viên, và

hiệu quả của từng hoạt động trong môi trường lớp học thực tế.

• *Ghi chú phản ánh của giảng viên:* Ghi chép không chính thức trong và sau mỗi buổi học để lưu lại phản ứng của sinh viên và những vấn đề phát sinh.

2.3.6. Quy trình thực hiện

Nghiên cứu được tiến hành trong 8 tuần. Trong tuần đầu tiên, sinh viên thực hiện bài kiểm tra nói đầu vào để đánh giá trình độ ban đầu. Từ tuần thứ 2 đến tuần thứ 7, các hoạt động giao tiếp (như đóng vai, thảo luận nhóm, thuyết trình và trò chơi ngôn ngữ) được triển khai trong các tiết học kỹ năng nói tiếng Anh. Tất cả sinh viên được khuyến khích sử dụng tiếng Anh tối đa khi tham gia hoạt động. Trong tuần thứ 8, sinh viên thực hiện bài kiểm tra sau can thiệp để đo mức độ tiến bộ, đồng thời hoàn thành bảng câu hỏi phản hồi. Dữ liệu

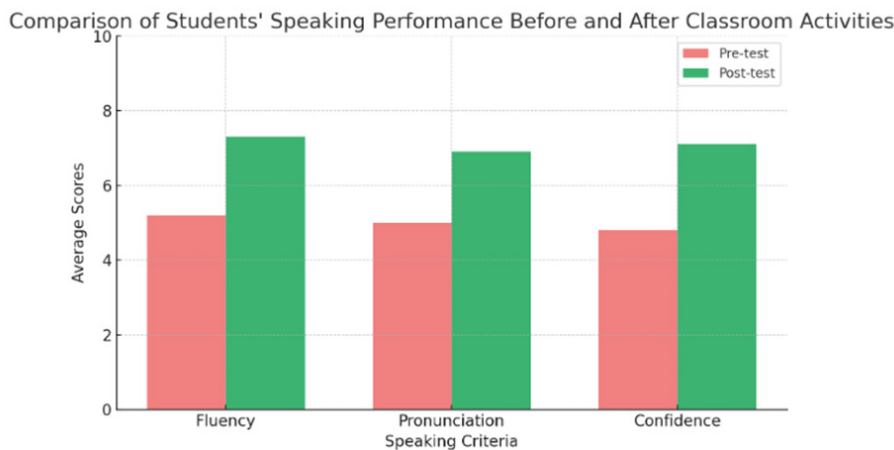
quan sát lớp học được ghi nhận xuyên suốt quá trình nghiên cứu.

2.3.7. Phân tích dữ liệu

Dữ liệu định lượng từ bài kiểm tra trước và sau can thiệp được phân tích bằng thống kê mô tả (giá trị trung bình và độ lệch chuẩn) và kiểm định t đôi (paired sample t-test) để xác định mức độ tiến bộ có ý nghĩa thống kê hay không. Các câu trả lời trong bảng câu hỏi được phân tích bằng tần suất và phần trăm để xác định xu hướng chung trong nhận thức của sinh viên. Dữ liệu định tính từ quan sát lớp và ghi chú của giảng viên được mã hóa và phân tích theo chủ đề nhằm hiểu rõ hơn về mức độ tham gia và các khó khăn mà sinh viên gặp phải.

2.4. Kết quả và Thảo luận

2.4.1. *Kết quả nghiên cứu dựa trên bài kiểm tra nói trước và sau khi can thiệp bằng các hoạt động nói trong lớp*



1. Độ trôi chảy (Fluency)

- Trước can thiệp: 5.2 điểm
- Sau can thiệp: 7.3 điểm
- Mức tăng: +2.1 điểm

Phân tích: Độ trôi chảy là tiêu chí có mức tăng cao nhất trong ba yếu tố được khảo sát. Điều này cho thấy các hoạt động như đóng vai và thảo luận nhóm đã tạo điều kiện cho sinh viên luyện nói thường xuyên trong ngữ cảnh giao tiếp gần gũi, giúp họ phản xạ nhanh và nói trôi chảy hơn. Kết quả này phù hợp với nhận định của Harmer (2015), rằng thực hành liên tục trong môi trường giao tiếp tự nhiên là yếu tố then chốt để cải thiện độ trôi chảy.

2. Phát âm (Pronunciation)

- Trước can thiệp: 5.0 điểm
- Sau can thiệp: 6.9 điểm
- Mức tăng: +1.9 điểm

Phân tích: Phát âm cũng có sự cải thiện rõ rệt sau quá trình tham gia các hoạt động giao tiếp. Việc sinh viên thường xuyên nghe – lặp lại và

phản hồi trong các trò chơi ngôn ngữ hoặc thuyết trình giúp họ điều chỉnh cách phát âm chính xác hơn. Đây là minh chứng cho việc môi trường lớp học tương tác có thể hỗ trợ cải thiện phát âm hiệu quả mà không cần thiết bị công nghệ cao.

3. Sự tự tin (Confidence)

- Trước can thiệp: 4.8 điểm
- Sau can thiệp: 7.1 điểm
- Mức tăng: +2.3 điểm

Phân tích: Sự tự tin là yếu tố có mức tăng mạnh thứ hai trong nghiên cứu. Điều này cho thấy rằng khi sinh viên được luyện tập trong môi trường ít áp lực, có hỗ trợ từ giáo viên và bạn bè, họ dần vượt qua tâm lý ngại nói và sợ sai. Các hoạt động như thuyết trình nhóm hoặc trò chơi giúp sinh viên tự tin nói trước đám đông – một bước tiến rất quan trọng trong môi trường học EFL. Đây cũng là điều được khẳng định trong các nghiên cứu của Goh & Burns (2012) về vai trò của thực hành có hỗ trợ trong phát triển sự tự tin giao tiếp.

Tiêu chí	Điểm trước can thiệp	Điểm sau can thiệp	Tăng
Fluency	5.2	7.3	+2.1
Pronunciation	5.0	6.9	+1.9
Confidence	4.8	7.1	+2.3

Nhìn chung, tất cả các tiêu chí đều có mức cải thiện đáng kể, cho thấy hiệu quả tích cực của việc tích hợp các hoạt động giao tiếp trong lớp học vào quá trình giảng dạy kỹ năng nói. Đặc biệt, kết quả này nhấn mạnh giá trị của môi trường học năng động và thực tiễn trong việc thúc đẩy sự phát triển toàn diện về năng lực ngôn ngữ và tâm lý học tập của sinh viên không chuyên tiếng Anh.

2.4.2. Sự cải thiện trong kỹ năng nói của sinh viên

Kết quả bài kiểm tra trước và sau can thiệp cho thấy sự cải thiện rõ rệt trong kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên, đặc biệt ở độ trôi chảy, phát âm và sự tự tin. Sinh viên nói mạch lạc hơn, ít ngập ngừng, sử dụng từ vựng và cấu trúc câu đa dạng hơn. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Nguyễn và Phạm (2019), cho thấy hoạt động giao tiếp giúp tăng độ trôi chảy và giảm lo lắng khi nói.

Độ trôi chảy cải thiện rõ nhất nhờ sinh viên bớt phụ thuộc vào mẫu câu học thuộc, diễn đạt tự nhiên hơn. Phát âm cũng tiến bộ do luyện tập thường xuyên trong môi trường tương tác. Nhận định này tương đồng với Harmer (2015), người cho rằng việc thực hành nói trong môi trường hỗ trợ giúp cải thiện phát âm và ngữ điệu hiệu quả.

2.4.3. Nhận thức của sinh viên về các hoạt động lớp học

Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn sinh viên phản hồi tích cực về các hoạt động nói trong lớp. Hơn 80% đồng ý rằng các hoạt động như đóng vai, thảo luận nhóm và trò chơi ngôn ngữ giúp tiết học thú vị, giảm lo lắng và tăng sự tự tin. Điều này phù hợp với Trần và Dương (2021), cho rằng hoạt động giao tiếp giúp tăng động lực học tập.

Dù một số sinh viên ban đầu lo lắng, đặc biệt khi thuyết trình, sự hỗ trợ từ giáo viên và làm việc nhóm đã giúp họ tự tin hơn. Goh và Burns (2012) cũng nêu cao vai trò của luyện tập có định hướng và phản hồi trong việc cải thiện kỹ năng nói hiệu quả.

2.4.4. Những khó khăn mà sinh viên gặp phải

Dù kết quả tích cực, sinh viên vẫn gặp một số khó khăn. Nhiều người cho rằng vốn từ vựng hạn chế và thiếu ý tưởng là rào cản khi thực hiện các nhiệm vụ nói. Ý kiến này tương đồng với nhận định của Richards (2008), rằng thiếu hụt từ vựng là một trong những trở ngại lớn nhất trong giao tiếp của người học EFL. Ngoài ra, một số sinh viên phản nản rằng thời gian trên lớp không đủ, đặc biệt khi lớp đông, khiến họ không có nhiều cơ hội thực hành.

Từ đó, nghiên cứu cho thấy giáo viên cần cung cấp thêm sự hỗ trợ có định hướng, chẳng hạn như giới thiệu từ vựng trước buổi học và đưa ra các gợi ý cụ thể khi làm nhiệm vụ. Larsen-Freeman và Anderson (2011) cũng cho rằng thiết kế hoạt động phù hợp với trình độ và theo từng bước rõ ràng có thể giúp giảm lo lắng và tăng kết quả đầu ra.

Kết quả nghiên cứu khẳng định rằng các hoạt động giao tiếp trên lớp có hiệu quả rõ rệt trong việc cải thiện kỹ năng nói tiếng Anh cho sinh viên không chuyên. Việc tham gia các nhiệm vụ tương tác giúp sinh viên sử dụng ngôn ngữ một cách có ý nghĩa, tăng sự tự tin và năng lực giao tiếp. Điều này củng cố nguyên lý của phương pháp CLT, coi tương tác là trung tâm của việc học ngôn ngữ (Richards, 2006).

III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đánh giá hiệu quả của các hoạt động tương tác trên lớp trong việc nâng cao kỹ năng nói tiếng Anh cho sinh viên không chuyên tại Trường Cao đẳng Hòa Bình Xuân Lộc. Các hoạt động như đóng vai, thảo luận, thuyết trình và trò chơi ngôn ngữ đã tạo môi trường học tập tương tác, giúp sinh viên cải thiện rõ rệt độ trôi chảy, phát âm và sự tự tin.

Ngoài việc nâng cao năng lực ngôn ngữ, sinh viên còn phát triển động lực học tập và thái độ tích cực với tiếng Anh. Tuy nhiên, một số khó khăn như vốn từ vựng hạn chế, tâm lý ngại nói và thời

gian luyện tập ít vẫn cần được khắc phục.

Tóm lại, các hoạt động giao tiếp mang lại hiệu quả rõ rệt trong dạy kỹ năng nói tiếng Anh trong bối

cảnh EFL. Giáo viên nên tích cực áp dụng các hoạt động đa dạng, có định hướng và phản hồi phù hợp để hỗ trợ người học phát triển năng lực giao tiếp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Brown, H. D. (2007). *Principles of language learning and teaching (5th ed.)*. Pearson Longman.
2. Bygate, M. (1987). *Speaking*. Oxford University Press.
3. Goh, C. C. M., & Burns, A. (2012). *Teaching speaking: A holistic approach*. Cambridge University Press.
4. Harmer, J. (2015). *The practice of English language teaching (5th ed.)*. Pearson Education.
5. Hung, H. T. (2015). Flipping the classroom for English language learners to foster active learning. *Computer Assisted Language Learning*, 28(1), 81–96. <https://doi.org/10.1080/09588221.2014.967701>
6. Larsen-Freeman, D., & Anderson, M. (2011). *Techniques and principles in language teaching (3rd ed.)*. Oxford University Press.
7. Littlewood, W. (2011). *Communicative language teaching: An expanding concept for a changing world*. In E. Hinkel (Ed.), *Handbook of research in second language teaching and learning (Vol. 2, pp. 541–557)*. Routledge.
8. Nguyen, T. T., & Pham, L. H. (2019). Using classroom activities to improve EFL students' speaking skills: A case study at a Vietnamese university. *Journal of Language Teaching and Research*, 10(2), 370–377.
9. Nguyen, T. M., & Nguyen, H. T. (2020). Challenges in developing English speaking skills of Vietnamese university students. *VNU Journal of Foreign Studies*, 36(2), 78–91.
10. Nunan, D. (2003). *Practical English language teaching*. McGraw-Hill.
11. Richards, J. C. (2006). *Communicative language teaching today*. Cambridge University Press.
12. Richards, J. C. (2008). *Teaching listening and speaking: From theory to practice*. Cambridge University Press.
13. Tran, Q. T., & Duong, T. L. (2021). Communicative activities in speaking classes: Benefits and challenges in Vietnamese higher education. *Journal of Language Teaching and Research*, 12(4), 622–629.